

Hậu Lộc, ngày 12 tháng 9 năm 2024

Số: 152/2024/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 131/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1997

HKTT: **Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**

Nơi ở hiện nay: **Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**

Bị đơn: Anh **Lưu Văn T1**, sinh năm 1990

Địa chỉ: **Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2024.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị **Bùi Thị T** và anh **Lưu Văn T1**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị **Bùi Thị T** và anh **Lưu Văn T1**.

- *Về con chung*: Công nhận chị **Bùi Thị T** và anh **Lưu Văn T1** có 02 con chung là cháu **Lưu Hồng P**, sinh ngày 18/5/2019 và cháu **Lưu Việt H**, sinh ngày 15/12/2021.

Giao cháu **Lưu Hồng P** và cháu **Lưu Việt H** cho chị **Bùi Thị T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh **Lưu Văn T1** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **Bùi Thị T** mỗi cháu 1.500.000đ/tháng. Cả hai cháu là 3.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh **Lưu Văn T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nhưng anh **T1** không được lạm dụng quyền thăm con làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của chị **P**

- *Về tài sản và công nợ*: Chị **Bùi Thị T** và Anh **Lưu Văn T1** không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí*: Chị **Bùi Thị T** tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc theo Biên lai thu tiền số 0003351 ngày 12/8/2024. Chị **T** đã nộp đủ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc
- UBND xã Hoa Lộc, H. Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lường Thị Hoa**

